

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP VIETSAT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP VIETSAT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM AGRICULTURE TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIETSAT., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107798328

3. Ngày thành lập: 10/04/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 1, nhà số 91, phố Long Biên I, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website: www.vietsat.com.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây chè	0127
2.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
3.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
4.	Trồng cây hồ tiêu	0124
5.	Trồng cây cao su	0125
6.	Xây dựng nhà các loại	4100
7.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
8.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
9.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
10.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: - Đại lý, kể cả đại lý thu hộ, chi hộ - Môi giới	4610
11.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
12.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122

13.	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: - Hoạt động chuẩn bị sản xuất của nhà sản xuất nông nghiệp; - Sản xuất hạt giống các loại;	0129
14.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
15.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
16.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các loại trà dược thảo; - Rang và lọc cà phê; - Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; - Sản xuất các chất thay thế cà phê; - Trộn chè và chất phụ gia;	1079
17.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn cà phê; - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;	4632
18.	Bán buôn tổng hợp	4690
19.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
20.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
21.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
22.	Trồng cây lấy sợi	0116
23.	Trồng cây điều	0123
24.	Trồng cây cà phê	0126
25.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp Chi tiết: - Hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ lâm nghiệp; - Hoạt động thầu khoán các công việc lâm nghiệp (đào hố, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch,...); - Hoạt động bảo vệ rừng, phòng chống sâu bệnh cho cây lâm nghiệp; - Đánh giá ước lượng số lượng cây trồng, sản lượng cây trồng; - Hoạt động quản lý lâm nghiệp, phòng cháy, chữa cháy rừng; - Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp khác (cho thuê máy lâm nghiệp có cả người điều khiển,...);	0240
26.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
27.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
28.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
29.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
30.	Phá dỡ	4311

31.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
32.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
33.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
34.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
35.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
36.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; - Bán thông qua máy bán hàng tự động; - Đầu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ); - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).	4799
37.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; - Dịch vụ mạng xã hội trực tuyến; - Dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử; - Dịch vụ khuyến mại trực tuyến;	6329
38.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
39.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu;	7730
40.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ;	7490
41.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
43.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
44.	Trồng lúa	0111
45.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
46.	Trồng cây mía	0114
47.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
48.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
49.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118

50.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: - Hoạt động chuẩn bị sản xuất của nhà sản xuất nông nghiệp; - Sản xuất hạt giống các loại;	0119
51.	Trồng cây ăn quả	0121
52.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
53.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
54.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
55.	Trồng rừng và chăm sóc rừng Chi tiết: Ươm giống cây lâm nghiệp;	0210
56.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật Chi tiết: Chế biến hạt giống để làm dầu thực vật;	1040
57.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
58.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
59.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
60.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
61.	Bán buôn gạo	4631
62.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
63.	Quảng cáo	7310
64.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
65.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8230
66.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210(Chính)
67.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
68.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
69.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
70.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061

6. Vốn điều lệ: 600.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LAI VĂN SONG	Thôn Phú Mỹ, Xã Trần Phú, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	33,333	111884322	
			Tổng số	20.000	200.000.000	33,333		
2	PHÙNG KIM PHONG	Thôn Tri Lai, Xã Đồng Thái, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	33,333	112300466	
			Tổng số	20.000	200.000.000	33,333		
3	NGUYỄN KIM DŨNG	Thôn Bắc Biên, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	33,333	001090004616	
			Tổng số	20.000	200.000.000	33,333		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN KIM DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 07/01/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001090004616

Ngày cấp: 25/12/2014

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bắc Biên, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 5, ngách 293/74 Ngọc Thụy, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội